

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 342/2025/DS - PT

Ngày 10 - 9 - 2025

*V/v Tranh chấp ranh đất, mở  
cống thoát nước thải, di dời tài sản  
trên đất và bồi thường thiệt hại  
ngoài hợp đồng.*

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đặng Văn Hùng

*Các Thẩm phán:*

Bà Lê Thị Thu Hương

Bà Nguyễn Thị Rên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Tô Thị Út - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2025/TLPT-DS ngày 23 tháng 6 năm 2025 về việc *“Tranh chấp ranh đất, mở cống thoát nước thải, di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng”*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2025/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 229/2025/QĐ-PT ngày 24 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 297/2025/QĐ – PT ngày 14 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Trần Minh H, sinh năm 1978 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số I, đường V, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Trần Minh H: Ông Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp P, xã B, huyện C, Trà Vinh (nay là xã B, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền ngày 09/01/2020. (có mặt)

**- Bị đơn:**

1. Ông Lê Hữu P, sinh năm 1962 (vắng mặt)

2. Bà Trần Thị K, sinh năm 1961 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số C, đường V, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp của ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K: Ông Trần Thanh S, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số A, Khóm B, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long). Theo văn bản ủy quyền đề ngày 09/8/2025 (có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Bà Triệu Trúc L, sinh năm 1987 (vắng mặt)

2. Anh Trần Triệu Gia B, sinh năm 2009 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số I, đường V, khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

3. Ngân hàng TMCP S4 – Chi nhánh T2.

Địa chỉ: Số E Đường N, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nay là phường T, tỉnh Vĩnh Long).

Người đại diện hợp pháp cho Ngân hàng TMCP S4 – Chi nhánh T2: Ông Phạm Đăng K1 – Trưởng phòng kiểm soát rủi ro và tuân thủ - Ngân hàng TMCP S4 – Chi nhánh T2. Theo văn bản ủy quyền đề ngày 07/8/2025 (xin giải quyết vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Trần Minh H là nguyên đơn.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

*Theo đơn khởi kiện, lời khai của nguyên đơn ông Trần Minh H và lời khai của ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện hợp pháp cho nguyên đơn trình bày:* Ông Trần Minh H có thửa đất 182, diện tích 169,74m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 01 loại đất ở, tọa lạc tại khóm C, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được chỉnh trang tư qua cho ông H ngày 26/4/2018. Vị trí thửa đất ở phía Bắc giáp hẻm, dưới hẻm là rãnh thoát nước, đối diện qua hẻm và rãnh thoát nước là thửa đất số 167, 168 tờ bản đồ số 01 và thửa đất số 415, tờ bản đồ số 02 cùng tọa lạc tại khóm B, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh do vợ chồng ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K đứng tên quyền sử dụng. Khoảng tháng 5/2019, phía ông P, bà K tiến hành xây dựng nhà ở trên thửa đất số 167, xây lấn qua hẻm, bít rãnh thoát nước, lấn một phần diện tích đất của ông H thuộc thửa 182, có hành vi đục phá tường, cột, chân đà tường nhà của ông H. Ông H có ngăn cản, phản đối việc xây dựng trái pháp luật này của ông P, bà K nên hai bên xảy ra tranh chấp. Ngày 08/7/2019 Ủy ban nhân dân phường C2, thành phố T tiến hành hòa giải nhưng không thành. Sau đó ông P, bà K lại tiếp tục xây dựng trên thửa đất số 168 và thửa 415, tiếp tục có hành vi vi phạm tương tự là lấn chiếm hẻm, lấn chiếm một phần diện tích thửa số 182 của ông H, đập phá chân đà tường nhà của ông H, bít rãnh thoát nước. Ông H tiếp tục ngăn cản nhưng phía ông P, bà

K vẫn cố tình xây dựng. Ngày 12/02/2020, Ủy ban nhân dân phường C2, thành phố T tiếp tục hòa giải nhưng không thành. Nay ông H yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các phần công trình kiến trúc trả lại diện tích đất lấn chiếm  $7,615\text{m}^2$  cụ thể: Hướng Đông giáp phần còn lại thửa 182 kích thước 0,5m; Hướng Tây giáp Đường V kích thước 0,5m; Hướng Nam giáp phần còn lại của thửa 182 kích thước 15,23m; Hướng Bắc giáp hẻm công cộng kích thước 15,23m.

Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K phải mở lối thoát nước phía trước dưới lòng đất của con hẻm bằng việc di dời  $12,3\text{m}^3$  cát, đá, bê tông và các vật dụng mà ông P đã chôn lấp dưới con hẻm gây cản trở dòng chảy của rãnh thoát nước (Hướng Đông giáp phần còn lại của con hẻm kích thước 1m; Hướng Tây giáp đường Võ Thị S1, kích thước 1m; Hướng Nam giáp thửa 182 kích thước 15,23m; Hướng Bắc giáp thửa 167 kích thước 7,18m, đoạn giáp thửa 168 kích thước 4m; đoạn giáp thửa 415 kích thước 4,05m); chiều sâu xuống lòng đất 0,8m.

Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K phải tháo dỡ, di dời toàn bộ các công trình kiến trúc trên diện tích đất hẻm, trả lại phần diện tích đã lấn chiếm con hẻm (Hướng Đông giáp phần còn lại của con hẻm kích thước 1m; Hướng Tây giáp đường V kích thước 1m; Hướng Nam giáp thửa 182, kích thước 15,23m; Hướng Bắc: đoạn giáp thửa 167, kích thước 7,81m, đoạn giáp thửa 168 kích thước 04m, đoạn giáp thửa 415 kích thước 4,05m).

Buộc ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K phải bồi thường thiệt hại cho ông Trần Minh H số tiền 5.000.000 đồng.

*Theo lời khai của bị đơn ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K và lời khai của ông Huỳnh Thanh S2 là người đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày: Ông P và bà K là chủ sử dụng các thửa đất 231; 225; 415 tọa lạc Khóm C, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Ông P, bà K đã được nhà nước cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất hợp pháp. Do đó, ông P, bà K không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H.*

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S4 – Chi nhánh T2 trình bày:*

Ông Trần Minh H có thể chấp tài sản là quyền sử dụng đất diện tích  $105,8\text{m}^2$ , loại đất ở, thửa số 182, tờ bản đồ số 1 và nhà ở, tổng diện tích xây dựng là  $89,24\text{m}^2$ , tọa lạc số 09 V, Khóm B, Phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh. Theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở do Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp ngày 14/5/2001 để vay vốn tại ngân hàng. Trong vụ án tranh chấp giữa ông H và ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K thì ngân hàng không có yêu cầu gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2025/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long) và Thông báo số: 02/TB –TA ngày 09/4/2024 về việc sửa chữa, bổ sung bản án đã quyết định:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H về việc tranh chấp ranh đất, mở cống thoát nước thải, di dời tài sản trên đất và bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng với ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, lệ phí thẩm định, định giá và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 13 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn ông Trần Minh H kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Hoàng V là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Trần Minh H không rút yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên cho rằng: Theo kết quả khảo sát, thẩm định thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là  $3,7m^2$  (phần A + A1) nằm trong thửa 231 và thửa 415 của ông P, bà K. Về hình thể thửa đất qua các thời kỳ giữa thửa đất của ông Trần Minh H với các thửa đất của ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K không thể hiện có đường thoát nước công cộng; kết quả khảo sát, thẩm định hiện trạng thửa đất 182 thể hiện diện tích  $105,8m^2$  (phần ký hiệu D) đúng với diện tích  $105.8m^2$  mà ông Trần Minh H1 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do đó, kháng cáo của ông Trần Minh H là không có cơ sở chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về sự vắng mặt của đương sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP S4 – Chi nhánh T2 vắng mặt nhưng có đơn xin giải quyết vắng mặt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Triệu Trúc L, anh Trần Triệu Gia B vắng mặt nhưng đã được triệu tập hợp lệ. Phiên tòa hôm nay là phiên tòa mở lần thứ hai nên căn cứ vào Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đương sự trên.

[2] Về nguồn gốc sử dụng của các thửa đất:

Đối với thửa 182, tờ bản đồ số 1, diện tích  $105.8m^2$ : Theo tư liệu năm 1983, thuộc thửa số 452, tờ bản đồ số 17, diện tích  $120m^2$  do ông Trần T kê khai trên Sổ mục kê ruộng đất. Theo tư liệu năm 1991, thuộc thửa số 662, tờ bản đồ số 16, diện tích  $102m^2$ , do ông Trần T kê khai, đăng ký trên sổ mục kê. Theo tư liệu năm

1998, thửa 182, tờ bản đồ số 1, diện tích 105,8m<sup>2</sup> do ông Trần C kê khai trong sổ mục kê đất đai. Năm 2001 ông Trần C được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở. Năm 2018, ông Trần Chánh T1 cho toàn bộ thửa 182 cho ông Trần Minh H quản lý, sử dụng. Ngày 26/4/2018, Văn phòng đăng ký đất đai thành phố T chỉnh lý, xác nhận cho ông Trần Minh H (BL 106 – 107; 128 - 130; 273 -275)

Đối với thửa đất 231 (được hợp từ thửa 167 và thửa 244), tờ bản đồ số 1, diện tích 62,2m<sup>2</sup>: Theo tư liệu năm 1983, thuộc thửa số 371, tờ bản đồ số 17, diện tích 30m<sup>2</sup>, loại đất T, do Tổ thu thuế kê khai trên Sổ mục kê ruộng đất và thuộc một phần thửa 375, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m<sup>2</sup> do Trương Thành Đ (đại diện phòng tổ chức hành chính) kê khai trên sổ mục kê ruộng đất. Theo tư liệu năm 1991, thuộc thửa số 519, tờ bản đồ số 16, diện tích 48m<sup>2</sup>, loại đất XD, do Tổ thu thuế Phường 3 kê khai trên Sổ mục kê ruộng đất và thuộc một phần thửa 520, tờ bản đồ số 16, diện tích 80m<sup>2</sup> do Nhà ủy ban quản lý kê khai trên sổ mục kê. Đến ngày 28/4/2022, thửa 231, diện tích 62,2m<sup>2</sup> (được hợp từ thửa 167 và thửa 244) do ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K kê khai đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông P, bà K (BL 106 - 107; 273 -275).

Thửa đất 167, diện tích 39,8m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Lê Thị Hồng S3 vào ngày 12/5/2000. Đến ngày 12/10/2018, bà S3 chuyển nhượng thửa đất 167 cho ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K; ông P, bà K được Văn Phòng Đ chi nhánh thành phố T2 chỉnh trang từ ngày 05/11/2018 (BL 152 – 156a).

Thửa đất 168, diện tích 75,6m<sup>2</sup> được Ủy ban nhân dân tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở cho bà Trần Thị P1, ông Hồ Hoàng V1 vào ngày 18/6/2004. Đến ngày 13/6/2012, bà P1, ông V1 chuyển nhượng thửa đất 168 cho ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K; ông P, bà K được Ủy ban nhân dân thành phố T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 12/7/2012. Ngày 26/3/2019 thửa đất 168 được tách thành 02 thửa: Thửa 224, diện tích 22,4m<sup>2</sup> và thửa 225, diện tích 53, 2m<sup>2</sup>. Ngày 28/4/2022 thửa 167 hợp với thửa 224 thành thửa 231, diện tích 62,2m<sup>2</sup> cấp quyền sử dụng đất cho ông P, bà K (BL 144 – 146, 208 – 211; 273 - 275).

Đối với thửa 415, tờ bản đồ số 2, diện tích 74,5m<sup>2</sup>: Theo tư liệu năm 1983, thuộc thửa số 376, tờ bản đồ số 17, diện tích 72m<sup>2</sup>, do Đặng C1 kê khai trên Sổ mục kê ruộng đất. Theo tài liệu đo đạc năm 1991, thuộc thửa số 521 tờ bản đồ số 16, diện tích 77m<sup>2</sup>, do Châu Văn kê khai trên Sổ mục kê. Theo tư liệu năm 1998, thửa 415, tờ bản đồ số 2, diện tích 74,5m<sup>2</sup>, loại đất ODT, do hộ ông Châu Văn kê K2, đăng ký trên sổ mục kê. Đến ngày 14/5/2001, ông Châu K3 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 415 do ông Châu K3 nhận thừa kế từ ông Châu V2. Đến ngày 31/7/2019, ông Châu K3 chuyển nhượng thửa đất 415 cho ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K. Ngày 07/8/2019, ông P, bà K được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa 415 (BL 106 -127; 147; 161; 273 – 275).

[3] Về hình thể thửa đất 182 với thửa 167, 168, 415: Theo tư liệu năm 1983, thửa 452 tiếp giáp với thửa 371, 375, 376 không thể hiện có đường thoát nước (BL 93). Theo tư liệu năm 199, thửa 662 tiếp giáp với thửa 519, 520, 521 không thể hiện có đường thoát nước (BL 97). Theo tư liệu năm 1998, thửa 182 tiếp giáp với thửa 167, 168, 415 không thể hiện có đường thoát nước (BL 148, 157 - 158, 163).

[4] Tại công văn số: 2290/CNTPTV ngày 19/12/2024 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh T – Chi nhánh thành phố T2 và Sơ đồ thửa đất kèm theo về việc cung cấp kết quả khảo sát, thẩm định thể hiện phần diện tích đất tranh chấp là 3,7m<sup>2</sup> (phần A + A1) nằm trong thửa 231 và thửa 415 của ông P, bà K. Hiện trạng thửa đất 182 theo kết quả thẩm định thể hiện diện tích 105,8m<sup>2</sup> (phần ký hiệu D) đúng với diện tích 105.8m<sup>2</sup> mà ông Trần Minh H được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (BL 130; 269 - 271).

[5] Tại Báo cáo kết quả kiểm định xây dựng của Trung tâm Tư vấn kiểm định xây dựng thuộc Sở X kết luận: Về ranh giới: “Nhà số G, đường V, khóm C, phường C, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (nhà của ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K) có ranh giới phía Nam chỉ tới mép ngoài cột của nhà số I đường V, khóm C, phường C, thành phố T (nhà của ông Trần Minh H). Đồng Thời cũng phù hợp với kích thước đo ghi trong tờ sở hữu nhà của bên nhà số G và nhà số I. Về kích thước ngang: Nhà số 07: 5,585m; Nhà số I: 4,860m” (BL 226 - 228). Từ kết quả kiểm định trên cho thấy, ông P, bà K không có hành vi xây dựng lấn chiếm, xâm phạm gây thiệt hại cho ông H.

[6] Từ những chứng cứ và nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy, việc Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H là đúng pháp luật nên kháng cáo của của ông Trần Minh H là không có cơ sở chấp nhận.

[7] Xét ý kiến của vị Kiểm sát viên, như phân tích ở phần trên, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[8] Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai số 0001338 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Vĩnh Long), ông H không phải nộp tiếp.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Minh H.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 27/2025/DS-ST ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Tòa án nhân dân thành phố Trà Vinh (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Vĩnh Long).

Áp dụng Điều 584, Điều 585 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 166, Điều 202 và Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013;

Áp dụng các Điều 26, Điều 235 và Điều 236 của Luật Đất đai năm 2024;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Minh H về việc yêu cầu bị đơn ông Lê Hữu P, bà Trần Thị K di dời tài sản trả lại diện tích đất 7,615m<sup>2</sup>; di dời 12,3m<sup>3</sup> cát, đá, bê tông để mở cống thoát nước thải và yêu cầu ông Lê Hữu P và bà Trần Thị K bồi thường thiệt hại số tiền 5.000.000đ (Năm triệu đồng).

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Buộc ông Trần Minh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm mà ông H đã nộp theo biên lai số 0001338 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Trà Vinh (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 10 - Vĩnh Long), ông H không phải nộp tiếp.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, không bị cải sửa có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

## **TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**

## **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### ***Nơi nhận:***

- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- TAND Khu vực 10 - Vĩnh Long;
- Phòng THADS Khu vực 10 - Vĩnh Long;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, TDS.

**Đặng Văn Hùng**